

Vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp bền vững - qua thực tiễn ở tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận bài: 19/12/2025 | Ngày phản biện: 22/12/2025 | Ngày xuất bản: 20/01/2026

Tác giả: Lê Thị Thư (Trường Chính trị Hoàng Đình Giong)

Tóm tắt: Phát triển nông nghiệp bền vững là định hướng lớn của Đảng nhằm bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống nông dân, đặc biệt ở các tỉnh miền núi như Cao Bằng. Bài viết phân tích vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn địa phương. Qua số liệu về cơ cấu kinh tế, mô hình sản xuất và liên kết chuỗi giá trị, bài viết làm rõ những đóng góp nổi bật của nông dân trong chuyển đổi nông nghiệp theo hướng bền vững, đồng thời chỉ ra hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò của nông dân tỉnh Cao Bằng hướng tới nền nông nghiệp hiệu quả, sinh thái và gắn kết cộng đồng.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường diễn biến ngày càng nghiêm trọng, phát triển nông nghiệp bền vững đã trở thành xu thế tất yếu và yêu cầu cấp bách trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Nông dân không chỉ là lực lượng sản xuất chủ yếu trong khu vực nông nghiệp mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt ở những vùng nông thôn, miền núi. Tỉnh Cao Bằng, nơi trên 80% dân số sống ở nông thôn và kinh tế nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm tỷ trọng lớn với 20,83%⁽¹⁾, đang từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiệu quả, thích ứng với đặc thù địa phương. Việc phát huy vai trò chủ thể của người nông dân trong quá trình này là yếu tố then chốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới bền vững.

2. Cơ sở lý luận về vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp bền vững

Phát triển nông nghiệp bền vững đang trở thành định hướng chiến lược mang tính toàn cầu trong thế kỷ XXI, nhằm ứng phó hiệu quả với những thách thức ngày càng gay gắt như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và suy thoái môi trường. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), nông nghiệp bền vững là “quá trình quản lý và sử dụng tài nguyên nông nghiệp như đất, nước, đa dạng sinh học... nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”⁽²⁾.

Ở Việt Nam, nông nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng và là “bệ đỡ” của nền kinh tế quốc dân. Nông nghiệp không chỉ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, tạo việc làm và thu nhập cho phần lớn dân cư nông thôn, mà còn là nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đại hội XI của Đảng đã xác định: “Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia”⁽³⁾. Quan điểm này tiếp tục được kế thừa và phát triển sâu sắc tại Đại hội XIII, với định hướng: “Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông minh; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân”⁽⁴⁾.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, nông nghiệp Việt Nam cần vươn tầm khu vực và toàn cầu, tham gia hiệu quả vào các chuỗi có giá trị gia tăng cao. Điều này đòi hỏi sản phẩm nông nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thân thiện với môi trường. Hơn nữa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư mở ra cơ hội hiện đại hóa nông nghiệp thông qua ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, công nghệ sinh học..., góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Nông nghiệp bền vững không chỉ chú trọng năng suất mà còn phải thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới mô hình sinh thái, thông minh và tuần hoàn. Trong đó, nông dân là chủ thể, giữ vai trò trung tâm quyết định trong chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng khoa học - công nghệ, xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường. Vì vậy, mọi chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại chỉ đạt hiệu quả khi phát huy được vai trò chủ thể sáng tạo của người nông dân - đó là nhân tố then chốt trong phát triển nông nghiệp

bền vững ở nước ta hiện nay.

“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”⁽⁵⁾ là quan điểm phát triển nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện trong chiến lược phát triển toàn diện quốc gia, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Đảng ta chỉ rõ: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, sinh thái của đất nước...”⁽⁶⁾, qua đó cho thấy vai trò trung tâm của người nông dân trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nông dân là chủ thể trực tiếp trong quá trình sản xuất nông nghiệp, đồng thời là lực lượng quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất, nước, rừng, đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Nhận thức, hành vi và trình độ sản xuất của người nông dân có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và tính bền vững của nền nông nghiệp. Quá trình chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp bền vững không thể thành công nếu chỉ dựa vào công nghệ hay chính sách từ cấp trên. Sự tham gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm của người nông dân, những tác nhân trực tiếp trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp đóng vai trò quyết định đối với thành công của quá trình này. Nông dân không chỉ là cá thể sản xuất mà còn là thành viên trong cộng đồng nông thôn, nơi lưu giữ, trao truyền và lan tỏa tri thức, kinh nghiệm sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa của từng địa phương. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, họ cần thích ứng nhanh chóng với các yêu cầu mới về kỹ năng, công nghệ, tổ chức sản xuất hiện đại và kết nối thị trường.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: phát huy vai trò chủ thể sáng tạo của người nông dân về nhận thức, kỹ năng, phương thức tổ chức sản xuất, năng lực thích ứng và khả năng liên kết thị trường chính là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trên cả phương diện địa phương và quốc gia.

3. Thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững của nông dân tỉnh Cao Bằng

Thực tiễn giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy, nông dân tỉnh Cao Bằng không chỉ là lực lượng sản xuất nông nghiệp đông đảo nhất (chiếm 74,5% dân số của tỉnh) mà còn là

nhân tố trung tâm quyết định hướng đi của toàn ngành nông nghiệp. Chính họ là mắt xích then chốt làm chuyển dịch mô hình sản xuất từ nhỏ lẻ, tự cấp tự túc sang liên kết tập thể, gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ, hướng tới nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và tuần hoàn. Biểu hiện cụ thể như sau:

- Trong tổ chức sản xuất - chuyển đổi từ nhỏ lẻ sang liên kết tập thể: Sự tham gia chủ động của nông dân vào các hợp tác xã, tổ hợp tác và nhóm sở thích đã tạo ra bước đột phá về quy mô, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp. Tính đến 30/7/2025, toàn tỉnh có 178 hợp tác xã nông nghiệp (119 hợp tác xã hoạt động hiệu quả), cùng 178 tổ hợp tác và 512 nhóm sở thích⁽⁷⁾. Đây không chỉ là con số tăng về lượng mà còn là sự trưởng thành về chất, người nông dân đã biết tận dụng sức mạnh tập thể, chia sẻ nguồn lực, chuẩn hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí và gia tăng giá trị sản phẩm. Các mô hình liên kết chuỗi như miến dong xã Thành Công, rau hữu cơ Cao Bằng Green Farm xã Bảo Lâm, mô hình kết hợp sản xuất lươn cày thủ công với nông sản tại hợp tác xã Phúc Sen xã Quảng Hòa, không chỉ góp phần nâng cao thu nhập mà còn thúc đẩy hình thành tư duy sản xuất chuyên nghiệp, gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ.

- Trong ứng dụng khoa học - kỹ thuật: Người nông dân đã trở thành lực lượng trực tiếp tiếp nhận và phổ biến các công nghệ mới trên nền tảng canh tác truyền thống, họ mạnh dạn đổi mới phương thức sản xuất: chuyển sang canh tác hữu cơ, sinh học, áp dụng tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước, nhà màng kiểm soát vi khí hậu, phân bón vi sinh, chế phẩm sinh học, hệ thống cảm biến giám sát môi trường canh tác và mô hình trồng được liệu dưới tán rừng - những kỹ thuật đòi hỏi vốn đầu tư, tri thức và kỷ luật sản xuất cao. Tiêu biểu như vùng rau an toàn VietGAP 20 ha ở xã Đàm Thủy; vùng được liệu 120 ha tại xã Hoa Thám, xã Thành Công; mô hình nấm sạch tại hợp tác xã Yên Công phường Thục Phán; mô hình sản xuất dưa lươn trong nhà màng tại hợp tác xã Thanh Xuân xã Hòa An; mô hình chăn nuôi lợn hữu cơ tuần hoàn tại hợp tác xã Tâm Hòa xã Nguyên Bình và mô hình liên kết trồng hạt dẻ theo quy trình VietGAP tại xã Trùng Khánh. Các mô hình này cho năng suất và giá trị gia tăng vượt trội, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn môi trường, giảm rủi ro sinh thái và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản địa phương. Sự thành công của các mô hình đã khẳng định rõ vai trò chủ thể, năng lực đổi mới tư duy, khả năng làm chủ công nghệ hiện đại và thích ứng linh hoạt của nông dân

trước yêu cầu thị trường ngày càng cao, từng bước tái định hình nền sản xuất nông nghiệp Cao Bằng theo hướng bền vững, hiện đại.

- Trong hội nhập thị trường và chuyển đổi số nông nghiệp: Nông dân của tỉnh đã chủ động phá vỡ “vòng khép kín” của sản xuất truyền thống. Hơn 180 hợp tác xã nông nghiệp bán hàng qua Postmart, Voso, ShopeeFarm...; nhiều hộ áp dụng nhật ký điện tử và QR code truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu minh bạch của thị trường trong và ngoài nước. Điều này không chỉ nâng giá trị nông sản mà còn quảng bá thương hiệu nông sản Cao Bằng ra phạm vi rộng hơn, kể cả thị trường Trung Quốc qua các cửa khẩu.

- Trong khai thác lợi thế địa phương và tham gia định hình chiến lược phát triển bền vững: Tỉnh Cao Bằng xác định phát triển nông nghiệp thông minh theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến là một trong ba nội dung đột phá chiến lược. Với mục tiêu, định hướng cụ thể, các địa phương tập trung phát triển sản xuất theo hướng chuyên canh, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng, duy trì và phát triển diện tích các loại cây trồng thế mạnh như: lê, hạt dẻ, trúc sào, thuốc lá, thạch đen...; tạo chuyển biến tích cực từ tư duy sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, từ sản xuất nguyên liệu thô sang xây dựng thương hiệu riêng, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm.

Tỉnh đã thu hút doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất - tiêu thụ, điển hình như Dự án “Xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” với tổng vốn đầu tư hơn 16,5 tỷ đồng, đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ tháng 11/2024⁽⁹⁾. Nông dân là lực lượng trực tiếp tham gia các dự án này, đồng thời là đối tượng thụ hưởng chính, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ sản xuất manh mún sang sản xuất hàng hóa hiện đại, hiệu quả cao và thân thiện với môi trường.

- Tác động lan tỏa về kinh tế, xã hội và môi trường: Các thành quả nổi bật trong giai đoạn 2021 - 2025 đã minh chứng rõ vai trò trung tâm của người nông dân trong kiến tạo nền nông nghiệp bền vững ở tỉnh Cao Bằng. Toàn tỉnh hiện có 174 sản phẩm OCOP (trong đó 10 sản phẩm đạt 4 sao, 164 sản phẩm đạt 3 sao), khoảng 750 ha cây trồng theo hướng hữu cơ, cùng 92,6 ha cây trồng và 85 cơ sở chăn nuôi đạt chuẩn VietGAP. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân đạt 2,97%/năm, cao hơn giai

đoạn 2016 - 2020 (2,6%); giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 ha đạt 50 triệu đồng, phản ánh rõ xu hướng gia tăng giá trị trên đơn vị diện tích canh tác. Thu nhập bình quân của lao động trong hợp tác xã đạt từ 52 - 55 triệu đồng/người/năm, tăng 13% so với năm 2021; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 23,1%; tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97%, cho thấy tác động tích cực về an sinh xã hội. Cùng với đó, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng trồng trọt còn 58,41% (giảm 0,72%), chăn nuôi đạt 29,1% (tăng 0,43%), dịch vụ nông nghiệp 3,02% (tăng 0,2%), lâm nghiệp 9,09% (tăng 0,6%) và thủy sản 0,38% (tăng 0,03%)⁽⁹⁾. Những con số này không chỉ phản ánh hiệu quả kinh tế rõ nét mà còn cho thấy đóng góp sâu rộng về xã hội và môi trường của khu vực nông nghiệp do nông dân làm chủ, từ tạo việc làm ổn định, nâng cao chất lượng sống, giảm nghèo bền vững, đến bảo tồn tài nguyên, đa dạng sinh học và tăng cường khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu.

Tuy đạt được nhiều chuyển biến tích cực, song việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Cao Bằng còn không ít hạn chế.

Trước hết, tổ chức bộ máy và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đại diện nông dân ở cơ sở còn nhiều hạn chế. Việc thực hiện chủ trương hợp nhất chính quyền hai cấp làm bộ máy Hội Nông dân các cấp có nhiều biến động; một bộ phận cán bộ mới còn lúng túng trong tiếp cận và thực hiện nhiệm vụ. Công tác tuyên truyền, vận động hội viên chưa thật sự sâu rộng; một số chi, tổ Hội sinh hoạt chưa đều, tỷ lệ hội viên tham gia còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tập hợp, phát huy vai trò của nông dân trong các phong trào, cuộc vận động phát triển nông nghiệp bền vững⁽¹⁰⁾.

Thứ hai, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản và khả năng thích ứng trước rủi ro của nông dân còn yếu. Các chương trình, dự án liên kết giữa nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp thiếu tính bền vững; nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả, liên kết còn lỏng lẻo, khiến việc tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, giá cả thiếu ổn định, thu nhập của nông dân bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, tác động của thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục gây khó khăn cho đời sống và sản xuất của nông dân⁽¹¹⁾.

Thứ ba, tổ chức sản xuất nông nghiệp chậm đổi mới, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún. Cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế; việc bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh gặp nhiều khó khăn, lồng ghép và huy động các nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn⁽¹²⁾.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có những nguyên nhân mang tính lâu dài gắn với đặc thù của tỉnh miền núi biên giới.

Về nguyên nhân khách quan, một số cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp bền vững, hỗ trợ nông dân và kinh tế tập thể chưa thật sự sát với điều kiện thực tiễn của tỉnh Cao Bằng, chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Việc triển khai các chính sách tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, khuyến khích nông nghiệp công nghệ cao còn chậm và thiếu linh hoạt, dẫn tới nguồn lực đầu tư vào khu vực nông thôn bị phân tán, hiệu quả thấp. Điều kiện tự nhiên, địa hình bị chia cắt mạnh, quy mô đất canh tác nhỏ lẻ, xa trung tâm, chi phí vận chuyển cao cũng là rào cản lớn đối với việc hình thành vùng chuyên canh và phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Thêm vào đó, lao động trẻ có trình độ thường rời địa phương đi làm ăn xa, trong khi lực lượng lao động còn lại chủ yếu lớn tuổi, trình độ thấp, làm giảm khả năng tiếp cận và làm chủ công nghệ mới.

Về nguyên nhân chủ quan, tại một số địa phương, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nội dung đột phá trong phát triển nông nghiệp chưa thực sự quyết liệt, thiếu kiểm tra, đôn đốc và định hướng cụ thể, dẫn đến sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ. Trình độ chuyên môn, năng lực tham mưu và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Nhận thức và hiểu biết của người dân về các nội dung đột phá trong nông nghiệp, nhất là trong tái đàn và phòng, chống dịch bệnh, còn chưa đầy đủ; công tác tuyên truyền, phổ biến tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn⁽¹³⁾.

Trước những tồn tại và nguyên nhân trên, việc đề ra các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm khắc phục hạn chế, phát huy vai trò của người nông dân tỉnh Cao Bằng trong phát triển nông nghiệp bền vững là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

4. Giải pháp phát huy vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Cao Bằng hiện nay

Định hướng phát triển giai đoạn 2025 - 2030, tỉnh Cao Bằng xác định bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; đồng thời triển khai chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2045 theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững, trong đó coi môi trường là trung tâm của mọi quyết sách phát triển⁽¹⁴⁾. Trên cơ sở đó, phát triển nông nghiệp bền vững gắn với nâng cao giá trị nông sản và bảo vệ hệ sinh thái được xác định là con đường đưa nông sản Cao Bằng hội nhập bền vững. Trong tiến trình này, nông dân giữ vai trò chủ thể trực tiếp, vừa là lực lượng sản xuất trung tâm, vừa là nhân tố quyết định hiệu quả thực thi các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh. Để phát huy vai trò đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức và năng lực cho nông dân về nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn. Việc này phải được thực hiện thông qua các chương trình tuyên truyền sâu rộng, các lớp tập huấn kỹ thuật và đào tạo kỹ năng sản xuất xanh, kết hợp với quản lý sản xuất hiện đại. Đồng thời, cần xây dựng đội ngũ “nông dân nòng cốt” ở từng địa phương, những người vừa am hiểu kỹ thuật vừa có uy tín trong cộng đồng, đóng vai trò là hạt nhân lan tỏa, hướng dẫn và hỗ trợ các hộ nông dân khác áp dụng mô hình mới.

Hai là, tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị để khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. Trọng tâm là khuyến khích thành lập và củng cố các hợp tác xã, tổ hợp tác, từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương. Quy trình sản xuất cần được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn như VietGAP, GlobalGAP hoặc hữu cơ, đồng thời đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cho nông sản.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp để tăng hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh. Các mô hình nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới nhỏ giọt, cảm biến giám sát môi trường canh tác, nhật ký sản xuất điện tử và truy xuất nguồn gốc bằng QR code cần được nhân rộng. Hỗ trợ nông dân bán hàng qua các nền tảng thương mại điện tử và xây dựng hạ tầng số chung kết nối giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp - nhà

phân phối, tạo hệ sinh thái số cho ngành nông nghiệp tỉnh.

Bốn là, tăng cường liên kết thị trường và phát triển thương hiệu nông sản. Trọng tâm là ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm, phát triển chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý, mở rộng hoạt động quảng bá qua hội chợ, triển lãm và truyền thông số. Bên cạnh đó, cần đầu tư hệ thống logistics, kho lạnh, điểm sơ chế, đóng gói hiện đại, đặt tại các vùng sản xuất tập trung và gần cửa khẩu quốc tế để tạo thuận lợi cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Năm là, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi và động lực cho nông dân phát triển sản xuất bền vững. Cụ thể là mở rộng các gói tín dụng ưu đãi cho nông nghiệp xanh, triển khai bảo hiểm nông nghiệp, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, tăng cường hỗ trợ nghiên cứu - chuyển giao công nghệ, và xây dựng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh. Những chính sách này sẽ là nền tảng để nông dân yên tâm đầu tư, đổi mới tư duy sản xuất và tham gia tích cực vào quá trình xây dựng nền nông nghiệp bền vững của tỉnh.

5. Kết luận

Có thể khẳng định, trong tiến trình phát triển nông nghiệp bền vững, nông dân tỉnh Cao Bằng không chỉ là lực lượng sản xuất chủ yếu mà còn là chủ thể sáng tạo, trung tâm của sự phát triển. Thực tiễn cho thấy, nông dân đã mạnh dạn chuyển đổi mô hình canh tác, tích cực tham gia hợp tác xã, ứng dụng khoa học - công nghệ, liên kết thị trường và chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước hiện thực hóa định hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, phát huy vai trò chủ thể của nông dân chính là chìa khóa để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị nông sản và sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp tỉnh. Để đạt được điều đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: nâng cao năng lực và kỹ năng sản xuất xanh cho nông dân; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy chuyển đổi số và khoa học - công nghệ; tăng cường liên kết thị trường, phát triển thương hiệu và hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ. Thực hiện hiệu quả các giải pháp này sẽ tạo nền tảng để nông dân thực sự trở thành lực lượng trung tâm, chủ thể của tiến trình chuyển đổi sang nền nông nghiệp xanh, sinh thái, hiện đại và bền vững ở tỉnh Cao Bằng./.

Tài liệu tham khảo

- (1) Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2024.
- (2) FAO. Sustainable agriculture and rural development: Concepts and Strategies. Rome, 2020.
- (3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, T.I, tr.112.
- (4), (5) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, T.I, tr. 165, 214.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội.
- (7) Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng, Báo cáo số 3524/BC-SNNMT, ngày 01/8/2025 về đánh giá hợp tác xã nông nghiệp năm 2025, kế hoạch phát triển hợp tác xã nông nghiệp năm 2026.
- (8) La Ngà, Khơi dậy tiềm năng, hiện thực hóa khát vọng bứt phá, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/can-bo-dang-vien-dang-bo-hoc-vien-bao-chi-va-tuyen-truyen-voi-viec-giu-gin-phat-huy-gia-tri-van-hoa-truong-dang-p29403.html>.
- (9), (12) Tỉnh ủy Cao Bằng, Báo cáo số 685-BC/TU, ngày 21/8/2025 về tổng kết 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- (10), (11), Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng, Báo cáo số 05-BC/HNDT, ngày 24/12/2025 Báo cáo Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng tại Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng lần thứ X, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- (12), (13) Tỉnh ủy Cao Bằng: Báo cáo số 685-BC/TU, ngày 21/8/2025 về tổng kết 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- (14) Tỉnh ủy Cao Bằng, Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 17/9/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.